

Bản án số: **58/2022/DS-PT**

Ngày: 27-4-2022.

*“Tranh chấp bồi thường  
thiệt hại ngoài hợp đồng  
do sức khỏe bị xâm hại”.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thái Thị Thanh Bình

*Các Thẩm phán:* Bà Vũ Thị Thu

Ông Đỗ Minh Nhựt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Trần Linda - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:** Ông Phùng Đức Nam – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 21 đến 27 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 273/2020/TLPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp *“Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm hại”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1968 (có mặt tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại buổi tuyên án).

Nơi thường trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số 141A/4, khu phố 10, phường T, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Số 141A/4, khu phố 10, phường T, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai

*(Theo giấy ủy quyền ngày 02/10/2018 được Ủy ban nhân dân xã P chứng thực).*

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Phúc L**, sinh năm 1972 (có mặt).

Nơi thường trú: Số 47, đường P, phường 1, Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên hệ: Số 74, đường T, phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Mai Đình T**, sinh năm 1950 (có mặt tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại buổi tuyên án)

Địa chỉ: Số 74, đường T, phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

*(Theo Giấy ủy quyền ngày 11/9/2018 được Văn phòng công chứng M công chứng).*

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Công ty trách nhiệm T**

Trụ sở: Số 74, đường T, phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Mai Thị Hoàng O, chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: Số 74, đường T, phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nội dung Bản án sơ thẩm:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/8/2018, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 18/10/2018, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn (người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H) trình bày:*

Vào khoảng 15 giờ 10 phút ngày 03/3/2018, bà Nguyễn Thị Thu H điều khiển xe mô tô biển số 60B3-212.31 lưu thông trên đoạn đường thuộc Km 61 +400m tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo hướng Dầu Giây đi Lâm Đồng thì bị xe ô tô biển số kiểm soát 51F-494.14 do ông Nguyễn Phúc L điều khiển lưu thông cùng chiều va chạm vào xe mô tô của bà làm bà té ngã xuống đường và bị thương tích. Ông Lộc không dừng lại để giải quyết vụ việc mà tiếp tục lưu thông rời khỏi hiện trường.

Sau tai nạn bà H phải đi điều trị thương tích ở Bệnh viện C. Tại giấy chứng nhận thương tích số 403/YC-BVCR ngày 30/3/2018 của Bệnh viện C xác định bà bị gãy cổ xương đùi trái phải thay khớp háng bán phần. Tại kết luận giám định số 0277/GĐPY/2018 của Trung Tâm pháp y Sở y tế tỉnh Đồng Nai kết luận: Tổn thương gãy cổ xương đùi trái đã phẫu thuật thay khớp háng nhân tạo, tỷ lệ tổn thương là 35%. Khi được công an huyện T xác minh và mời đến làm việc thì ông L có đến bệnh viện một lần thăm hỏi và đưa 4.000.000 đồng tiền bồi thường cho bà để khắc phục trước hậu quả vụ tai nạn.

Theo Thông báo số 137/CAH ngày 19/3/2018 của Cơ quan cảnh sát giao thông Công an huyện T xác định nguyên nhân chính vụ tai nạn giao thông là do ông Nguyễn Phúc L điều khiển xe ô tô 7 chỗ vượt sai quy định. Vì vậy bà yêu cầu

ông Nguyễn Phúc L phải bồi thường thiệt hại cho bà số tiền 105.662.135đ (Một trăm lẻ năm triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn một trăm ba mươi lăm đồng) bao gồm các khoản sau:

- \* Chi phí có chứng từ, hóa đơn: 51.562.135đ
- \* Chi phí thuê phương tiện đi điều trị (không có hóa đơn) gồm:
  - + Tiền thuê xe đi từ nơi xảy ra tai nạn đến bệnh viện C ngày 03/3/2018: 1.000.000đồng;
  - + Tiền thuê xe chở từ bệnh viện C xuất viện về nhà ngày 16/3/2018: 1.400.000đồng;
  - + Tiền thuê xe đi chụp CT tại bệnh viện Đa khoa T tỉnh Đồng Nai ngày 17/3/2018: 1.300.000đồng;
  - + Tiền thuê xe đến bệnh viện C chụp X.Quang và về ngày 28/3/2018: 2.200.000đồng;
  - + Tiền thuê xe đi tái khám và điều trị tại bệnh viện C ngày 05/4/2018: 2.200.000đồng.
- \* Thu nhập bị mất và chi phí cho người chăm sóc trong thời gian bị bệnh không đi lại được gồm:
  - + Chi phí người chăm sóc trong thời gian điều trị thương tích từ ngày 03/3/2018 đến lúc đi lại được là 03 (ba) tháng x 6.000.000đ/tháng = 18.000.000 đồng;
  - + Thu nhập thực tế bị mất trong thời gian điều trị là 04 tháng (7.000.000đ/tháng x 04 tháng = 28.000.000đồng).

Đối với yêu cầu phản tố của ông L yêu cầu bà H phải bồi thường số tiền 62.340.000đ thì bà H không đồng ý vì yêu cầu này không có căn cứ. Lỗi điều khiển xe ô tô vượt sai quy định của ông L đã được Công an huyện T khẳng định dựa trên các tài liệu chứng cứ được thu thập theo đúng quy định, việc ông L bị tạm giữ xe là để phục vụ cho việc điều tra xác minh vụ va chạm giao thông, kết quả điều tra đã xác định ông L là người điều khiển xe gây tai nạn cho bà H, bà H không giữ xe của ông L, bà H không phải là người gây tai nạn cho ông L. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu phản tố của ông L.

Tại phiên tòa, ông L yêu cầu bà H trả lại số tiền 4.000.000đ là không có cơ sở bởi số tiền này ông L đưa cho bà H trên cơ sở tự nguyện. Nếu ông L muốn lấy lại đề nghị ông L khởi kiện bà H bằng vụ án khác.

*Tại bản trình bày ý kiến ngày 05/9/2018, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Phúc L (ông Mai Đình T là người đại diện) trình bày:*

Ông Nguyễn Phúc L trình bày ngày 03/3/2018, ông có điều khiển xe ô tô biển số 51F.494-14 tham gia lưu thông trên quốc lộ 20 thuộc Km61 + 400m tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Ông L thừa nhận thời điểm tai nạn xảy ra, xe ô tô do ông điều khiển có lưu thông đi qua đoạn đường này như đoạn video mà Công an

huyện T cung cấp, nhưng ông khẳng định không phải ông là người gây ra vụ tai nạn. Ông không cảm nhận được vụ va chạm nên vẫn cứ lưu thông bình thường đến Thành phố B.

Xe ô tô biển số 51F.494-14 thuộc quyền sở hữu của Công ty T (sau đây gọi tắt là công ty), trụ ở tại Số 74, đường T, phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Giữa ông L và Công ty có hợp đồng mượn xe, ông sử dụng xe để giải quyết việc cá nhân chứ không phải thực hiện công việc của Công ty. Ông L đi một mình, trên xe không còn người nào khác. Ngày 05/3/2018, Công an huyện T liên hệ làm việc lấy lời khai ông tại Thành phố Hồ Chí Minh. và ông có bàn giao xe cho công an huyện T theo biên bản tạm giữ phương tiện tang vật liên quan đến vụ tai nạn giao thông ngày 05/3/2018 thì ông có thấy ở vị trí chắn bùn sau bên phải mặt ngoài xe ô tô biển số 51F-494.14 đã có vết xước. Theo ông thì vết xước này hình thành trong quá trình ông di chuyển ở B chứ không thừa nhận do va chạm với xe mô tô của bà H.

Theo điều tra xác định xe bà H coi nói mỗi bên vượt quá quy định (coi nói 0,55m), như vậy phương tiện do ông điều khiển cách xe bà H là 0,55m. Tai nạn xảy ra do bà H chở vật dụng cồng kềnh, thay đổi đặc trưng của xe, coi nói tăng kích thước giá đèo vượt quá quy định và bà H tự té ngã. Điều này thể hiện trong báo cáo kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 03/3/2018 của Đội cảnh sát giao thông công an huyện T. Cũng theo đoạn video tại khu vực hiện trường tham giao thông Công an huyện T thu thập được xe biển số 51F-494-14 tham gia đúng tốc độ, nối đuôi hai xe phía trước khi đi qua đoạn xảy ra tai nạn. Ông chưa một lần thừa nhận ông là người gây tai nạn cho bà H.

Ông thừa nhận thông qua cán bộ công an huyện T thì biết được bà H điều trị tại Bệnh Viện C nên ông có đến thăm và cho tiền bà H chứ không phải là để bồi thường thiệt hại cho bà H. Việc ông cho tiền bà H là tự nguyện. Vào ngày 05/3/2018 công an huyện T có lập biên bản ghi lời khai của ông nhưng không có trong hồ sơ do Tòa án thu thập.

Công an huyện T xác định xe ô tô do ông điều khiển vượt sai quy định dẫn đến va chạm với xe mô tô của bà H gây tai nạn thương tích là không đúng bởi không có cơ sở xác định xe ô tô và mô tô lưu thông cùng làn đường với nhau.

Bà H khởi kiện yêu cầu ông L phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm do liên quan đến vụ tai nạn giao thông với số tiền là 105.662.135đ (Một trăm lẻ năm triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn một trăm ba mươi lăm đồng) thì ông không đồng ý. Ông đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà H.

Ông L cho rằng bà H có lỗi chở hàng hóa cồng kềnh nên đã tự té, ông không phải là người gây tai nạn cho bà H. Trong quá trình giải quyết vụ việc của bà H, Công an huyện T tạm giữ xe ô tô biển số 51F-494.14, nên ông phải trả tiền thuê xe khác cho Công ty T hết 54.000.000đ; tiền công bị mất do ông nghỉ việc để giải quyết vụ tai nạn, tiền thuê phương tiện đi lại, chi phí lưu giữ xe trong thời gian tạm giữ. Vì vậy, ông phản tố yêu cầu bà H phải bồi thường cho ông tổng cộng là 62.340.000đ.

Đối với yêu cầu độc lập của Công ty trách nhiệm T yêu cầu ông có nghĩa

vụ bồi thường cho Công ty số tiền phát sinh trong quá trình điều tra mà xe ô tô biển số 51F-494.14 bị tạm giữ với số tiền là 54.000.000 đồng thì ông đồng ý. Tính đến ngày xét xử, ông đã thanh toán cho Công ty số tiền 43.000.000đ, còn lại 11.000.000đ, ông đồng ý tiếp tục thanh toán cho Công ty đến khi thanh toán xong khoản tiền 11.000.000đ còn lại.

*Đơn yêu cầu độc lập, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Công ty trách nhiệm T (sau đây gọi là Công ty) trong quá trình chuẩn bị xét xử trình bày:*

Ông L là nhân viên của Công ty, ngày 26/02/2018 Công ty có hợp đồng cho ông L mượn xe ô tô biển số 51F-494.14 là tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty. Thời gian mượn xe từ ngày 02/3/2018 đến ngày 04/3/2018. Trong hợp đồng có thỏa thuận loại trừ trách nhiệm đối với bên thứ ba trong quá trình ông L mượn xe. Ông L sử dụng xe theo Công an huyện T xác định đã vi phạm pháp luật tại địa bàn huyện T vào ngày 03/3/2018. Công an huyện T có tạm giữ xe ô tô trên để phục vụ công tác giải quyết vụ việc. Do đây là phương tiện Công ty sử dụng thường ngày nên phải thuê phương tiện khác hết tổng chi phí là 54.000.000đ. Bà H kiện yêu cầu ông L phải bồi thường thiệt hại thì Công ty có ý kiến: Trách nhiệm bồi thường cho bà H không thuộc về chủ phương tiện nguồn nguy hiểm, bởi chủ sở hữu đã giao phương tiện cho ông L nên ông L phải có nghĩa vụ bồi thường nếu có căn cứ. Đối với số tiền Công ty chi trả cho việc thuê phương tiện phục vụ đi lại của Công ty do xe bị tạm giữ thì công ty yêu cầu ông L phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty số tiền là 54.000.000đồng. Qua bản đối chiếu việc thực hiện nghĩa vụ giữa Công ty và ông L xác định tính đến thời điểm xét xử thì ông L đã thanh toán được 43.000.000đ, còn 11.000.000đ. Công ty T vì lý do công việc và đã có đơn xin vắng mặt nên vắng mặt tại phiên tòa.

\* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai quyết định:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm d khoản 1 Điều 40; Điều 68, Điều 147, Điều 161; Điều 235, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 584; 585; 588; 590, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H đối với ông Nguyễn Phúc L về việc “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm”.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Phúc L có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 84.533.000đ (tám mươi bốn triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Phúc L đối với bà

Nguyễn Thị Thu H về việc yêu cầu bà H bồi thường số tiền 62.340.000đ (sáu mươi hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty T đối với ông Nguyễn Phúc L. Buộc bị đơn Nguyễn Phúc L phải tiếp tục có trách nhiệm bồi thường cho Công ty T số tiền 11.000.000đ (mười một triệu đồng).

4. Về án phí: Ông Nguyễn Phúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.226.500đ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Ông Nguyễn Phúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 550.000đ đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được chấp nhận.

Ông Nguyễn Phúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.117.000đ đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận.

Tổng cộng án phí dân sự sơ thẩm ông L phải chịu là 7.893.500đ. Khấu trừ số tiền 1.550.000đ ông L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 007012 ngày 13/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành án phí. Ông L phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.343.500đ (sáu triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm đồng).

Trả lại cho Công ty trách nhiệm T số tiền 1.350.000đ (một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 008303 ngày 08/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 05/10/2020 và ngày 19/10/2020 ông L có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L vì bản án sơ thẩm không có căn cứ.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về thủ tục tố tụng: cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng và đầy đủ.

Về đường lối giải quyết vụ án: cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Đề nghị cấp phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông L làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn khai rằng ngày 03/3/2018 bà điều khiển xe mô tô biển số 60B3-212.31 lưu thông trên Quốc lộ 20 đoạn đường thuộc xã P, huyện T, tỉnh

Đông Nai theo hướng Dầu Giây – Lâm Đồng thì bị xe ô tô biển số 51F.494-14 do ông Nguyễn Phúc L điều khiển lưu thông phía sau cùng chiều vượt sai quy định va chạm làm bà té ngã xuống đường và bị thương tích nên bà yêu cầu ông L có nghĩa vụ bồi thường số tiền 105.662.135đ (Một trăm lẻ năm triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn một trăm ba mươi lăm đồng).

Bị đơn thừa nhận, tại thời điểm xảy ra vụ việc ngày 03/3/2018 thì bị đơn có điều khiển xe ô tô biển số 51F-494.14 qua đoạn đường Quốc lộ 20 thuộc địa bàn xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai để đi về Thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Bị đơn không thừa nhận lời khai của nguyên đơn và cũng không đồng tình với nội dung kết luận trong Thông báo số 137/CAH ngày 19/6/2018 của Công an huyện T xác định bị đơn là người gây ra vụ tai nạn với lỗi vượt sai quy định. Bị đơn cho rằng vụ tai nạn giao thông xảy ra là do bà H chở vật dụng công kênh và tự té ngã, không liên quan đến bị đơn. Vì vậy, bị đơn không đồng ý bồi thường cho nguyên đơn.

Bị đơn còn cho rằng do bà H tự té ngã mà Công an huyện T phải tạm giữ phương tiện, tiền công bị đơn bị mất trong những ngày phải tham gia giải quyết vụ việc, tiền chi phí thuê phương tiện đi lại để giải quyết vụ việc, tiền phí giữ xe nên bà H phải bồi thường cho ông tổng các chi phí trên là 62.340.000đ.

Việc ông điều khiển xe ô tô biển số 51F-494.14 của Công ty và bị công an huyện T tạm giữ để điều tra làm thiệt hại cho công ty. Nay Công ty yêu cầu ông có nghĩa vụ bồi thường cho công ty số tiền phát sinh trong quá trình điều tra xe ô tô biển số 51F-494.14 bị tạm giữ với số tiền là 54.000.000đồng thì ông đồng ý. Ông đã thanh toán được 43.000.000đ, còn lại 11.000.000đ ông đồng ý thanh toán tiếp.

Theo Thông báo số 137/CAH ngày 19/6/2018 của Công an huyện T xác định lỗi của các bên trong vụ va chạm: Nguyên nhân chính của vụ tai nạn giao thông do Nguyễn Phúc L điều khiển xe ô tô biển số 51F-494.14 vượt sai quy định. Riêng đối với bà H điều khiển xe có chở theo 02 sọt sắt hai bên hông phía sau (kích thước mỗi sọt dài 0m96, rộng 0m55, cao 0m40) là vi phạm vào khoản 4 Điều 19 Thông tư 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ, lưu hành xe quá tải trọng,.... Công an huyện T xác định ông L có hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường bộ và hành vi này là nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn giao thông làm bà H bị thương và điều trị tại bệnh viện C là đúng sự thật.

Bị đơn cũng thừa nhận xe ô tô do ông điều khiển có lưu thông qua hiện trường thời điểm xảy ra vụ qua chạm, vết trượt xước trên xe ô tô hình thành trong quá trình di chuyển tại nơi bị đơn làm việc, bị đơn không thừa nhận do va chạm với xe mô tô của nguyên đơn.

Tại kết luận số 124/KLGD-PC54(Đ 3) ngày 23/3/2018 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Nai về việc giám định cơ chế hình thành dấu vết, vị trí, chiều hướng dấu vết trên phương tiện liên quan đến vụ tai nạn trên có kết luận: Hệ thống dấu vết trượt xước, mài mòn, mất sơn tại mặt ngoài hông phía sau của xe ô tô biển số 51F-494.14 hình thành do quá trình va chạm với mặt ngoài bên trái

giỏ xe kim loại đựng đồ (gắn kèm) phía sau của xe mô tô biển số 60B3-212.21. Hệ thống dầu vết trượt xước, mài mòn, mất sơn tại mặt ngoài hông phía sau (vị trí sát cung sau của chắn bùn phía sau bên phải) của xe, chiều hướng dầu vết từ trước về sau, từ phải sang trái.

Căn cứ theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Lúc 15 giờ 10 phút ngày 03 tháng 03 năm 2018 ông Nguyễn Phúc L là người điều khiển xe ô tô biển số 51F-494.14 lưu thông trên đường Quốc lộ 20 đoạn Km 61 +400m thuộc xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai do vượt sai quy định đã va chạm với xe mô tô biển số 60B3-212.31 do bà H điều khiển lưu thông cùng chiều gây tai nạn giao thông, bà H bị thương tích với tỷ lệ 35%.

Bản án sơ thẩm xét xử đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H đối với ông Nguyễn Phúc L về việc “Tranh chấp yêu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm”, xác định nguyên đơn, bị đơn khi tham gia giao thông đều có lỗi theo tỷ lệ nguyên đơn 20%, bị đơn 80% nên buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền là  $105.662.135đ \times 80\% = 84.532.708đ$  (làm tròn là 84.533.000đ) (tám mươi bốn triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng). Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Phúc L đối với bà Nguyễn Thị Thu H về việc yêu cầu bà H bồi thường số tiền 62.340.000đ (sáu mươi hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng). Chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty trách nhiệm T đối với ông Nguyễn Phúc L. Buộc bị đơn Nguyễn Phúc L phải tiếp tục có trách nhiệm bồi thường cho Công ty trách nhiệm T số tiền 11.000.000đ (mười một triệu đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy cấp phúc thẩm y án sơ thẩm.

[3] Do không chấp nhận kháng cáo của ông L nên ông L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đề nghị y án sơ thẩm phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Phúc L;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm d khoản 1 Điều 40; Điều 68, Điều 147, Điều 161; Điều 235, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 584; 585; 588; 590, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H đối với ông Nguyễn Phúc L về việc “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm”.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Phúc L có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 84.533.000đ (tám mươi bốn triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Phúc L đối với bà Nguyễn Thị Thu H về việc yêu cầu bà H bồi thường số tiền 62.340.000đ (sáu mươi hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty trách nhiệm T đối với ông Nguyễn Phúc L. Buộc bị đơn Nguyễn Phúc L phải tiếp tục có trách nhiệm bồi thường cho Công ty trách nhiệm T số tiền 11.000.000đ (mười một triệu đồng).

4. Về án phí: Ông Nguyễn Phúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.226.500đ (Bốn triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm đồng) đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Ông Nguyễn Phúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 550.000đ (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được chấp nhận. Ông Nguyễn Phúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.117.000đ (Ba triệu một trăm mười bảy nghìn đồng) đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Tổng cộng án phí dân sự sơ thẩm ông L phải chịu là 7.893.500đ (Bảy triệu tám trăm chín mươi ba nghìn năm trăm đồng). Khấu trừ số tiền 1.550.000đ ông L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 007012 ngày 13/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Ông L phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.343.500đ (Sáu triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Ông Nguyễn Phúc L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003737 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai

Trả lại cho Công ty trách nhiệm T số tiền 1.350.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 008303 ngày 08/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai.

5. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

*Nơi nhận:*

- TAND H. Tân Phú;
- VKSND T. Đồng Nai;
- THADS H. Tân Phú;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Thị Thanh Bình**